

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QLCL-CL1

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v mẫu chứng thư cho các lô hàng thủy  
sản xuất khẩu vào EU

Kính gửi:

- Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU;
- Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng.

Ngày 16/12/2020, Ủy ban Châu Âu đã ban hành quy định (EU) số 2020/2235 liên quan tới mẫu chứng thư một số sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất khẩu vào EU, có hiệu lực từ ngày 21/4/2021, thời gian chuyển tiếp đến hết ngày 21/8/2021, trong đó lưu ý một số nội dung:

- Mẫu chứng thư cho sản phẩm thủy sản, nhuyễn thể, giáp xác sống, đuôi ếch, ốc, gelatine, collagen, sản phẩm composite từ nước thứ 3 xuất khẩu vào EU hiện đang được áp dụng trên TRACESNT (ban hành tại các Phụ lục I và III của Quy định (EU) số 2019/628 ngày 08/4/2019) sẽ được chuyển đổi tham chiếu tương ứng tại các Chương của Phụ lục III Quy định (EU) số 2020/2235 kể từ ngày quy định này có hiệu lực. Chi tiết danh mục các mẫu chứng thư có tham chiếu chuyển đổi tại Phụ lục 1 của công văn này.

- Hướng dẫn khai báo và nội dung chứng nhận theo hướng dẫn tại Phụ lục I Chương 4 của Quy định (EU) 2020/2235 bản Tiếng Anh được gửi kèm (*Cục sẽ chuyển dịch sang Tiếng Việt và gửi tới các đơn vị thời gian tới*), trong đó một số nội dung khai báo đã được Cục hướng dẫn tại công văn số 2220/QLCL-CL1 ngày 29/1/2019.

- Một số yêu cầu riêng biệt đối với sản phẩm composite tại Phụ lục 2 gửi kèm theo công văn này.

Nhằm thực hiện quy định của EU và tránh các vướng mắc trong quá trình xuất khẩu thủy sản vào thị trường này, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thông báo và đề nghị các đơn vị như sau:

**1. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU**

- Chủ động cập nhật, nghiên cứu và tổ chức thực hiện đúng quy định nêu trên trong quá trình sản xuất, chế biến thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu thị trường EU.

- Nghiên cứu mẫu và hướng dẫn khai báo các nội dung trong chứng thư mới để đảm bảo thực hiện đúng, chính xác khi đăng ký thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU sau khi quy định có hiệu lực.

- Phối hợp chặt chẽ nhà nhập khẩu để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU.

## 2. Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng

- Chuyển tiếp văn bản này tới các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào EU trên địa bàn.

- Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn (trong trường hợp cần thiết, tổ chức buổi hướng dẫn trực tiếp/trực tuyến) cho tất cả doanh nghiệp thuộc địa bàn về sử dụng mẫu chứng thư và khai báo theo quy định của EU khi đăng ký thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản xuất khẩu qua hệ thống TRACESNT.

- Thực hiện thẩm định, chứng nhận theo mẫu mới cho các lô hàng của các sản phẩm nêu trên xuất khẩu vào thị trường EU theo đúng quy định và đúng thời gian áp dụng, đảm bảo tỷ lệ tối đa các lô hàng được đăng ký và chứng nhận qua hệ thống TRACESNT.

Hiện nay, Cục đang liên hệ với Cơ quan thẩm quyền EU để khẳng định quá trình áp dụng cấp chứng thư theo mẫu mới trên hệ thống TRACESNT kể từ ngày 21/4/2021 khi quy định (EU) 2020/2235 có hiệu lực và sẽ hướng dẫn bổ sung (nếu có) để các đơn vị thực hiện./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Chi cục Trung bộ, Nam bộ;
- Hiệp hội VASEP;
- Lưu: VT, CL1.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Lê Bá Anh**

**Phụ lục 1:**

Danh mục mẫu chứng thư cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào EU theo quy định số (EU) 2020/2235  
(kèm theo công văn số : /QLCL-CL1 ngày tháng năm 2021)

TT	Mẫu chứng thư	Tham chiếu tại Quy định (EU) 2019/628	Được tham chiếu theo Quy định (EU) 2020/2235	Mã chứng thư (Model)	Một số lưu ý
1.	Sản phẩm phối chế (bao gồm sản phẩm phối chế not shelf-stable composite products và shelf-stable composite products, chứa bất kỳ khối lượng là sản phẩm từ thịt, gelatine, collagen, sản phẩm tinh luyện dùng làm thực	Phụ lục I	Chương 50 Phụ lục III	COMP	- Nghiên cứu hướng dẫn của EU đề xác định đối tượng sản phẩm thủy sản hay sản phẩm phối chế tại địa chỉ: <a href="https://ec.europa.eu/food/safety/international_affairs/trade/special-eu-import-conditions-composite-products_en">https://ec.europa.eu/food/safety/international_affairs/trade/special-eu-import-conditions-composite-products_en</a> - Tài liệu về sản phẩm phối chế nêu tại Phụ lục 2 công văn này.

2.	Sản phẩm phối chế shelf-stable theo Điều 14 của Quy định (EU) số 2019/625		Phụ lục V		- Mẫu này do nhà nhập khẩu tự chứng nhận nếu sản phẩm phối chế đáp ứng yêu cầu tại Điều 14 của Quy định (EU) số 2019/625	
3.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	Phụ lục III	Phần II, Chương A	Chương 28 Phụ lục III	FISH-CRUST-HC	- Dùng chung cho cá, giáp xác sống và sản phẩm của chúng dùng làm thực phẩm. - Bắt buộc chứng nhận và điền thông tin tại Mục II.1; Trừ trường hợp sản phẩm (cá, giáp xác sống; sản phẩm của chúng xuất khẩu mục đích chế biến tiếp tại EU (for further processing before human consumption)), phần Chứng nhận an toàn sức khỏe động vật có nguồn gốc nuôi trồng tại Mục II.2 được xóa bỏ.
4.	Nhuẩn thể hai mảnh vỏ sống, động vật da gai, động vật chân bụng biển, hải tiêu (tunicates) và sản phẩm của chúng dùng làm thực phẩm		-	Chương 31 Phụ lục III	MOL-HC	- Dùng chung cho nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống, động vật da gai, động vật chân bụng biển, hải tiêu (tunicates) và sản phẩm của chúng dùng làm thực phẩm - Mục II.1 (a): Khai báo "Vietnam" - Mục II.1(i): Khai báo phân loại vùng thu hoạch của NT2MV hiện thời là A, B hoặc C (lưu ý cập nhật kết quả do Cục, Chi cục Nam Bộ về phân loại theo báo cáo gửi EU hàng năm). - Nội dung chứng nhận tại Mục II.2 được xóa bỏ nếu không là sản phẩm không là sản phẩm sống
5.	Nhuẩn thể 2 mảnh vỏ chế biến thuộc họ <i>Acanthocardia</i>		-	Chương 32, Phụ lục III	MOL-AT	- Hiện nay, Việt Nam chưa có loài sò (nâu) được giám sát vệ sinh của các vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ

	<i>tuberculatum</i>				
6.	Đùi ếch	Phần III	Chương 39 Phụ lục III	FRG	
7.	Ốc sên	Phần IV	Chương 40 Phụ lục III	SNS	
8.	Gellatin	Phần VI	Chương 41 Phụ lục III	GEL	
9.	Collagel	Phần VII	Chương 42 Phụ lục III	COL	
10.	Nguyên liệu dùng để sản xuất Collagel và Gellatin dùng làm thực phẩm	Phần VIII	Chương 43 Phụ lục III	RCG	
11.	Nguyên liệu đã được xử lý dùng để sản xuất Collagel và Gellatin dùng làm thực phẩm		Chương 44 Phụ lục III	TCG	

## **Phụ lục 2:**

Quy định liên quan sản phẩm composite xuất khẩu vào EU  
(Kèm theo công văn số /QLCL-CL1 ngày tháng năm 2021 của  
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

### **1. Các văn bản liên quan EU:**

- Quy định số 2020/692 ngày 30/1/2020 bổ sung quy định số 2016/429 liên quan quy định để nhập khẩu một số sản phẩm có nguồn gốc động vật (Điều 162, 163 yêu cầu đối với sản phẩm composite có nguồn gốc động vật)
- Công văn số G/SPS/GEN/1786 ngày 12/6/2020 về các quy tắc áp dụng cho việc nhập khẩu sản phẩm composite vào EU từ ngày 21 tháng 4 năm 2021
- Công thư số Ares (2019) 7443220 ngày 03/12/2019 của DG SNATE tóm tắt các yêu cầu đối với sản phẩm composite vào EU từ ngày 21/4/2021
- Công thư số Ref sante.ddg2.g.4/PC/mcd (2020)3635968 của DG SANTE về áp dụng các quy định mới liên quan sản phẩm composite xuất khẩu vào EU
- Sơ đồ cây quyết định áp dụng đối với sản phẩm composite : [https://ec.europa.eu/food/sites/food/files/safety/docs/ia\\_ic\\_composite-prods\\_qandas.pdf](https://ec.europa.eu/food/sites/food/files/safety/docs/ia_ic_composite-prods_qandas.pdf)

### **2. Yêu cầu về sản phẩm composite**

#### **a) Một số thuật ngữ:**

- *Composite product* (sản phẩm chế biến tổng hợp): là sản phẩm thực phẩm thành phần chứa cả sản phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật chế biến (Điều 2 Quy định EU 2019/625)
- *Shelf-stable composite product*: sản phẩm chế biến tổng hợp được bảo quản an toàn ở nhiệt độ phòng. Sản phẩm này không yêu cầu bảo quản/vận chuyển dưới điều kiện phải kiểm soát nhiệt độ (Điều 12 Quy định 2019/625)
- *Non-Shelf-stable composite product*: sản phẩm chế biến tổng hợp không được bảo quản an toàn ở nhiệt độ phòng. Sản phẩm này cần được bảo quản/vận chuyển dưới điều kiện phải kiểm soát nhiệt độ (Điều 12 Quy định 2019/625)
- *Private attestation*: Chứng thực tư nhân có nghĩa là chứng thực được ký bởi nhà nhập khẩu (Điều 2 Quy định EU 2019/625);
- *Official certificate*: giấy chứng thư được ký bởi Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu

#### **b) Cách thức phân loại sản phẩm composite:**

- Phân loại sản phẩm composite product dựa trên rủi ro – Public Health và Animal Health (không dựa trên tỷ lệ phần trăm các thành phần có nguồn gốc động vật như trước đây) (Điều 162, 163 Quy định 2020/692), bao gồm 03 loại:

(1) sản phẩm *non-shelf-stable composite*

(2) sản phẩm *shelf-stable composite* thành phần chứa thịt

(3) sản phẩm *shelf-stable composite* thành phần không chứa thịt và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác

**c) Các yêu cầu kiểm soát:** sản phẩm composite được sản xuất tại các cơ sở được EU công nhận

- Nếu bất kỳ thành phần trong sản phẩm chứa thịt, trứng, sữa và sản phẩm của chúng: phải được sản xuất từ quốc gia, cơ sở được EU công nhận xuất khẩu (Chương trình dư lượng; kiểm soát dịch bệnh...)

- Đối với sản phẩm sản phẩm *shelf-stable composite* thành phần không chứa thịt chế biến và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác với thịt chế biến: được xử lý nhiệt theo chế độ tương ứng theo quy định EU 2020/692

**d) Yêu cầu về chứng nhận sản phẩm composite**

(1) Sản phẩm *non-shelf-stable composite* và (2) sản phẩm *shelf-stable composite* thành phần chứa thịt chế biến phải kèm theo giấy chứng thư do cơ quan thẩm quyền của quốc gia sản xuất sản phẩm composite cấp (mẫu giấy chứng thư tại Chương 50 Phụ lục III quy định EU số 2020/2235)

(3) Các sản phẩm *shelf-stable composite* không chứa thịt chế biến sẽ chỉ phải kèm theo một chứng thực riêng (*private attestation*) được cung cấp bởi nhà nhập khẩu, và cung cấp thông tin được yêu cầu tại Điều 14 (3) của Quy định (EU) 2019/625 và các tài liệu liên quan được quy định trong Quy định (EU) 2020/692 (mẫu giấy chứng thực theo Phụ lục V quy định EU số 2020/2235)

- Lô hàng các sản phẩm composite được dùng theo đầu mã HS: 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1901, 1902, 1905, 2004, 2005, 2103, 2104, 2105, 2106